

Số: 1158/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 03 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 474/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Nguyễn Minh L - Sinh năm: 1987

Số CCCD: A

Địa chỉ thường trú: Số S đường B, khu phố N, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Yên N - Sinh năm: 1996

Số CCCD: B

Địa chỉ thường trú: Số S đường B, khu phố N, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Nguyễn Minh L - Sinh năm: 1987

Số CCCD: A

Địa chỉ thường trú: Số S đường B, khu phố N, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Yến N - Sinh năm: 1996

Số CCCD: B

Địa chỉ thường trú: Số S đường B, khu phố N, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Thị Yến N thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Thị Yến N cùng xác định có 02 con chung tên Nguyễn Minh K (giới tính nam, sinh ngày 22/3/2014) và Nguyễn Minh N (giới tính nữ, sinh ngày 04/12/2020). Giao con chung tên Nguyễn Minh K (giới tính nam, sinh ngày 22/3/2014) cho ông Nguyễn Minh L trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Nguyễn Minh N (giới tính nữ, sinh ngày 04/12/2020) cho bà Yến N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Minh L cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Minh N mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng); việc cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Minh N thực hiện vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ tháng 4/2024 đến khi trẻ Minh N đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Thị Yến N tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con tên Nguyễn Minh K.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3 Về tài sản chung: Ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Thị Yến N cùng xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) do ông Nguyễn Minh L tự nguyện nộp, án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) do ông Nguyễn Minh L chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Minh L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025356 ngày 05/3/2024 của Chi cục thi

hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Minh L đã nộp đủ.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2014 ngày 19/5/2014 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị kể từ ngày quyết định này có hiệu lực.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

7. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- UBND P.T, TP.Thủ Đức, TP.HCM;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lưu Hải Quỳnh Anh